

Bản án số: 131/2023/HS-PT

Ngày: 15/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông
Ông Đặng Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng
- Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/TLPT-HS ngày 10/5/2023 đối với bị cáo Lưu Văn T cùng đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Lưu Văn L, bị cáo Lưu Văn T với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Lưu Văn T, sinh năm 1983. Tên gọi khác: Không;
Giới tính: Nam.

Nơi sinh và cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn Giáo Không.

Nghề nghiệp Làm ruộng; Trình độ học vấn 10/12.

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Nguyên trưởng thôn T nhiệm kỳ 2020-2022.

Bố đẻ Lưu Văn T1, sinh năm 1962. Mẹ đẻ Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.

Gia đình bị cáo có 05 chị em ruột, bản thân là con thứ 02 trong gia đình. Vợ Lý Thị Q, sinh năm 1984 (đã ly hôn). Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 05/9/2022 đến ngày 13/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho bảo lãnh". Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lưu Văn L, sinh năm 1954. Tên gọi khác Không;
Giới tính Nam.

Nơi sinh và cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Sán Dìu; Tôn Giáo Không.

Nghề nghiệp Làm ruộng. Trình độ học vấn 7/10.

Đảng chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Nguyên Bí thư chi bộ, Trưởng ban mặt trận khu dân cư thôn T nhiệm kỳ 2020-2022.

Bố đẻ Lưu Văn M; Mẹ đẻ Dương Thị D (đều đã chết). Gia đình bị cáo có 03 anh em ruột, bản thân là con thứ 01 trong gia đình. Vợ Phạm Thị A, sinh năm 1972. Bị cáo có 5 con, con lớn sinh năm 1973, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn L: Ông Nguyễn Văn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi kèm Luận cứ bào chữa cho bị cáo)

Trong vụ án còn có bị cáo Mã Thị T2, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban quản lý thôn T, xã V, huyện L nhiệm kỳ 2020-2022 gồm Lưu Văn L, sinh năm 1954 là Bí thư chi bộ, Trưởng ban mặt trận khu dân cư; Lưu Văn T, sinh năm 1983 là Trưởng thôn; Mã Thị T2, sinh năm 1982 là Phó thôn, kiêm Thủ quỹ đều là những người có chức vụ, quyền hạn do bầu cử. Tháng 12/2021, Lưu Văn T (chủ trì) cùng Lưu Văn L, Mã Thị T2 tổ chức họp dân trong thôn để bàn về các công việc của thôn, trong đó có nội dung làm đường bê tông từ đường liên thôn vào miếu B (khu tâm linh của thôn T, xã V) thì được nhân dân trong thôn đồng tình nhất trí. Sau khi thống nhất phương án làm đường, Lưu Văn T đã cho đổ đất, san lấp một phần diện tích đất công ích tại đập chứa nước của thôn T, xã V, huyện L. Khi làm đường bê tông xong thôn đã chi phí hết tổng số tiền 90.810.000 đồng (trong đó người dân đóng góp được 43.300.000 đồng). Quá trình san lấp, làm đường bê tông hình thành (thừa ra) diện tích đất là 190 m², có mặt trước rộng 9m giáp đường bê tông liên thôn; mặt sau rộng 10m giáp hộ ông Phùng Văn N; chiều dài bên trái, bên phải là 20m. Đây là đất công do Ủy ban nhân dân xã V quản lý, sử dụng vào mục đích công ích của xã V, huyện L.

Để có tiền bù vào số tiền còn thiếu khi làm đường và để có kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi khác trong thôn, Th này sinh ý định bán diện tích đất trên. Ngày 05/01/2022, Lưu Văn Th là Trưởng thôn đã chủ trì tổ chức họp dân tại Nhà văn hóa thôn T, tham gia dự cuộc họp có Lưu Văn L và Mã Thị T2. Tại cuộc họp T đưa ra ý kiến về việc chuyển nhượng diện tích 190 m² đất công trên để lấy kinh phí hoạt động cho thôn thì được người dân đồng ý và góp ý nên

tổ chức chuyển nhượng bằng hình thức đấu giá. Tiếp đó, ngày 19/01/2022, Lưu Văn L là Bí thư chi bộ đã chủ trì tổ chức họp Chi bộ tại Nhà văn hóa thôn và có mời Lưu Văn T tham gia dự họp (T không là đảng viên). Tại cuộc họp T đưa ra ý kiến đề xuất bán thửa đất có diện tích 190 m² để lấy tiền hoạt động cho thôn thì được đảng viên và Lưu Văn L kết luận đồng ý. Ngày 20/01/2022, Lưu Văn L trên cương vị là Trưởng ban mặt trận khu dân cư đã chủ trì tổ chức họp các ban ngành đoàn thể tại Nhà văn hóa thôn, có mời Lưu Văn T tham gia dự họp. Tại cuộc họp T đưa ra ý kiến bán diện tích 190 m² đất công ích trên thì được đại diện các ban ngành, đoàn thể nhất trí, đồng thời giao cho T tổ chức họp dân để bàn bạc, thống nhất. Cùng ngày Lưu Văn T đã chủ trì tổ chức họp nhân dân tại Nhà văn hóa thôn T có sự tham gia của Lưu Văn L và Mã Thị T2 cùng các ban ngành và khoảng 60 hộ dân. Tại cuộc họp T thông qua kinh phí làm đường vào miếu B và việc bán thửa đất trên làm đất ở, dưới hình thức đấu giá và bỏ phiếu kín 01 lần; giá khởi điểm là 150.000.000 đồng, hộ nào đăng ký phải đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng (không trúng đấu giá sẽ trả lại ngay tại buổi đấu giá).

Để chuẩn bị đấu giá đất, T đã chuẩn bị mẫu phiếu là các mảnh giấy được cắt ra từ vở ô ly, có chữ ký của Lưu Văn T và các phong bì thư; Mã Thị T2 chuẩn bị sổ, tài liệu để ghi tên người tham gia đấu giá; T, T2 và Lưu Văn L tham gia tổ chức, chỉ đạo buổi đấu giá. Đến khoảng 07 giờ ngày 21/01/2022, Lưu Văn T thông báo trên loa truyền thanh của thôn cho các hộ dân đến tham gia đăng ký đấu giá và bỏ phiếu tại Nhà văn hóa thôn T, thời gian từ 08 giờ đến 11 giờ cùng ngày. Tham dự đấu giá có 15 hộ dân tham gia đấu giá. Đến 11 giờ cùng ngày, Ban quản lý thôn cùng sự chứng kiến của những người tham gia đấu giá tiến hành kiểm phiếu, kết quả anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 là người trong thôn đã trúng đấu giá với mức giá là 370.010.000 đồng, cùng ngày ban quản lý thôn đã trả lại tiền đặt cọc cho 14 hộ dân không trúng đấu giá. Đến ngày 27/01/2022, Lưu Văn T, Lưu Văn L và Mã Thị T2 đã tổ chức đến thực địa đo và giao đất cho anh Nguyễn Văn V có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1968 ở cùng thôn. Sau khi đo đạc, đóng cọc T, L, T2 cùng anh V, anh T3 về Nhà văn hóa thôn viết giấy tờ mua bán đất. Tại đây, Mã Thị T2 đã trực tiếp viết 01 "Giấy bàn giao đất tập thể thôn T đề ngày 27/01/2022", có chữ ký của bên giao đất là Lưu Văn T, Lưu Văn L, Mã Thị T2 và bên phía gia đình nhận là anh Nguyễn Văn V cùng đại diện hộ dân là anh Nguyễn Văn T3; 01 "Biên bản giao nhận tiền đề ngày 27/01/2022" có chữ ký của người nhận tiền là Lưu Văn T, người giao tiền là Nguyễn Văn V, người làm chứng là Nguyễn Văn T3. Tiếp đó, T nhận của anh V số tiền 370.010.000 đồng rồi đưa cho anh V giữ 02 giấy mua bán và nhận tiền nêu trên. Sau khi nhận tiền, T cùng ban quản lý thôn đã chi tiêu hết số tiền 292.500.000 đồng, còn số tiền 77.510.000 đồng ngày 30/6/2022 T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam.

Đến tháng 4/2022, Ủy ban nhân dân xã V, huyện L phát hiện sự việc đã thành lập tổ kiểm tra, xác minh và báo cáo kết quả đến Cơ quan có thẩm quyền. Ngày 28/6/2022, anh Nguyễn Văn V làm đơn tố giác việc Ban quản lý thôn T

bán đất trái thẩm quyền và giao nộp: 01 Giấy bàn giao đất tập thể thôn T đề ngày 27/01/2022, ký hiệu A1; 01 Biên bản giao nhận tiền đề ngày 27/01/2022, ký hiệu A2.

Ngày 04/7/2022, Mã Thị T2 giao nộp: 01 sổ ô ly kê ngang nhân hiệu Hải Tiến gồm 10 trang có chữ ký xác nhận của Lưu Văn T và Mã Thị T2; 01 sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ gồm 42 tờ (năm 2022); 01 sổ ghi tài chính thôn T gồm 46 tờ (từ năm 2015); 01 sổ theo dõi thu sản (thóc), diện tích đất công ích giao thầu cho các hộ dân; 01 sổ ghi biên bản họp dân và ghi tài chính thôn có chữ ký xác nhận của Lưu Văn T và Mã Thị T2; 01 tập phiếu thu đề tên đơn vị thôn T gồm 28 tờ; 01 tập phiếu thu đề trống đơn vị gồm 28 tờ. Ngày 07/7/2022, Lưu Văn L giao nộp: 01 sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ gồm 48 trang.

Tiến hành khám xét nơi ở của Lưu Văn T, Lưu Văn L và Mã Thị T2 tại thôn T, xã V, kết quả: Không phát hiện thu giữ tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã V, huyện L xác định: Diện tích đất trên là đất công do Ủy ban nhân dân xã V quản lý; đất không có tranh chấp, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra thực địa thửa đất trên, thể hiện: Thửa đất diện tích đất là 190 m² thuộc thửa số 247, tờ bản đồ số 114 (bản đồ địa chính xã V đo đạc năm 2018), có mặt trước rộng 9m giáp đường bê tông liên thôn T; mặt sau rộng 10m giáp thửa đất hộ ông Phùng Văn N; cạnh dài bên trái thửa đất dài 20m giáp đường bê tông vào miếu B và đập chứa nước thôn T; cạnh dài bên phải thửa đất dài 20m giáp thửa đất hộ ông Ngô Q.

Cơ quan điều tra Công an huyện L đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên tài liệu thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 1197/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

1. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết "T- Lưu Văn T" tại các mục "Bên giao đất ký tên làm bằng chứng", "Người nhận tiền" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) và chữ viết tại trang 03 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Lưu Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người ký, viết ra.**

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Lưu Văn L tại mục "Bên giao đất ký tên làm bằng chứng" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Lưu Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M7, M8) **là do cùng một người ký, viết ra.**

3. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2- trừ chữ ký, chữ viết có nội dung "V- Nguyễn Văn V", "T3- Nguyễn Văn T3" dưới các mục "Bên phía gia đình nhận", "Đại diện hộ dân", "Người giao tiền", "Người làm chứng" và chữ ký, chữ viết đã kết luận ở Mục 1, 2) so với chữ ký, chữ viết của Mã Thị T2 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4, M5, M6) **là do cùng một người ký, viết ra.**

Cơ quan điều tra Công an huyện L đã tiến hành yêu cầu định giá tài sản đối với thửa đất trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG ngày 25/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: Diện tích 190 m² đất ở nông thôn tại thôn T, xã V có giá trị 193.800.000 đồng.

Ngày 09/12/2022, Đảng ủy xã V đã có Quyết định số 29-QĐ/UBKTTĐU về việc xem xét đề nghị thi hành kỷ luật đối với Lưu Văn L.

Đối với một số đối tượng liên quan đến vụ án gồm: Các đảng viên tham gia dự họp chi bộ, trưởng các ban ngành, đoàn thể thôn đồng ý cho Ban quản lý thôn bán đất trái thẩm quyền nhưng những người này không có chức vụ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Chủ tịch UBND xã V (là ông Bùi Quang C) và cán bộ địa chính xã V (là ông Nguyễn Thành Đ) có phần thiếu trách nhiệm đã không kịp thời phát hiện sự việc, để các bị can thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phát hiện sự việc đã có báo cáo gửi Cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, đề nghị xử lý đối với những người này.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Lưu Văn T, Mã Thị T2 đã thỏa thuận và trả lại cho anh Nguyễn Văn V số tiền 407.010.000 đồng (gồm 370.010.000 đồng tiền gốc và 37.000.000 đồng tiền lãi), anh V đã nhận tiền và giao trả lại diện tích 190 m² đất cho Ủy ban nhân dân xã V quản lý; đồng thời có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 01 sổ ô ly kê ngang nhãn hiệu Hải Tiến gồm 10 trang có chữ ký xác nhận của Lưu Văn T và Mã Thị T2; 01 sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ gồm 42 tờ (năm 2022); 01 sổ ghi tài chính thôn T gồm 46 tờ (từ năm 2015); 01 sổ theo dõi thu sản (thóc), diện tích đất công ích giao thầu cho các hộ dân; 01 sổ ghi biên bản họp dân và ghi tài chính thôn có chữ ký xác nhận của Lưu Văn T và Mã Thị T2; 01 tập phiếu thu đề tên đơn vị thôn T gồm 28 tờ; 01 tập phiếu thu đề trống đơn vị gồm 28 tờ do Mã Thị T2 giao nộp; 01 sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ gồm 48 trang do Lưu Văn L giao nộp; 01 Giấy bàn giao đất tập thể thôn T đề ngày 27/01/2022 và 01 Biên bản giao nhận tiền đề ngày 27/01/2022 do anh Nguyễn Văn V giao nộp được lưu trong hồ sơ vụ án. Còn số tiền 77.510.000 đồng do Lưu Văn T giao nộp Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bị cáo Lưu Văn T và bị cáo Lưu Văn L đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào điểm c, khoản 2, khoản 5 Điều 357, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, khoản 1 điều 54, điều 58, điều 38 của BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo bị cáo Lưu Văn T 03 năm tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”; Căn cứ vào điểm c, khoản 2, khoản 5 Điều 357, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, khoản 1 điều 54, điều 58, điều 38 của BLHS năm

2015. Xử phạt bị cáo Lưu Văn L 02 năm 06 tháng tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn L đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý thôn, xã trong thời gian từ 1 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Cấm bị cáo Mã Thị T2 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý thôn, xã trong thời gian từ 1 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Miễn phạt tiền cho các bị cáo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hướng dẫn thi hành án dân sự.

Án xử xong, ngày 10/4/2023, bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lưu Văn T thay đổi kháng cáo, rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do: Trong quá trình công tác, bị cáo là trưởng thôn có nhiều thành tích vận động ủng hộ các quỹ từ thiện, xã hội hóa đường giao thông nông thôn được Ủy ban nhân dân xã V, huyện L xác nhận, là thành viên tổ chống Covid 19, bị cáo tự nguyện nộp 200.000 đồng tiền án phí. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại và trả đất cho Ủy ban nhân dân xã V, và được nhân dân trong thôn xin giảm nhẹ hình phạt. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ già, vợ ly hôn một mình nuôi 03 con nhỏ.

Bị cáo Lưu Văn L thay đổi kháng cáo, rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do: Bị cáo tuổi cao, sức yếu, bệnh tật Parkinson phải uống thuốc thường xuyên. Bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả. Bị cáo được nhân dân trong thôn và Ủy ban nhân dân xã xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, xác định Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo T nộp thêm xác nhận của Ủy ban nhân dân xã có thành tích khi làm trưởng thôn, bị cáo T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, được nhân dân trong thôn và Ủy ban nhân dân xã V xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác và học tập, có nơi cư trú rõ ràng.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo L nộp thêm sổ khám bệnh và nhiều biên lai mua thuốc chữa bệnh Parkinson, bị cáo L được nhân dân trong thôn và Ủy ban nhân dân xã V xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác và học tập, có nơi cư trú rõ ràng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo T nhưng chuyển cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm và giữ nguyên mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo L nhưng chuyển cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Luận cứ của Ông Nguyễn Văn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang: Nhất trí về phần tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố, bị cáo L tuổi đã cao, sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật, bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả cho bị hại, nhân dân trong thôn và Ủy ban xã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, xử phạt bị cáo L 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Phản tranh luận: Bị cáo Lưu Văn T nhất trí với ý kiến của đại diện VKS và không tranh luận gì.

Bị cáo Lưu Văn L nhất trí với ý kiến của đại diện VKS, nhất trí với luận cứ của người bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L đã được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian tháng 01 năm 2022 do cần tiền để bù vào số tiền còn thiếu khi làm đường bê tông và để có kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi khác trong thôn. Lưu Văn T, Lưu Văn L và Mã Thị T2 mặc dù không có quyết định giao đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, lợi dụng chức vụ là Trưởng thôn, là Bí thư chi bộ Trưởng ban mặt trận khu dân cư, là Phó thôn kiêm Thủ quỹ đã tổ chức họp dân, họp chi bộ để thống nhất tổ chức bán diện tích 190 m² đất công do Ủy ban nhân dân xã V, huyện L quản lý thuộc thửa số 247, tờ bản đồ số 114 (bản đồ địa chính xã V đo đạc năm 2018), có mặt trước rộng 9m giáp đường bê tông liên thôn T; mặt sau rộng 10m giáp thửa đất hộ ông Phùng Văn N; cạnh dài bên trái thửa đất dài 20m giáp đường bê tông vào miếu B và đập chứa nước thôn T; cạnh dài bên phải thửa đất dài 20m giáp thửa đất hộ ông N cho anh Nguyễn Văn V để sử dụng lâu dài vi phạm Điều

59 Luật đất đai năm 2013, gây thiệt hại cho anh V số tiền 370.010.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L theo tội danh và áp dụng điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy:

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị cáo Lưu Văn T: Án sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đã tuyên phạt bị cáo Lưu Văn T 03 năm tù về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*”; là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lưu Văn T đã giao nộp biên lai nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, công văn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V bị cáo có nhiều thành tích khi làm trưởng thôn. Đây là những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lưu Văn L:

Án sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đã tuyên phạt bị cáo Lưu Văn L 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*” là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lưu Văn L đã giao nộp sổ khám bệnh và nhiều biên lai mua thuốc chữa bệnh Parkinson, tuổi cao sức yếu.

Xét thấy bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và không có mục đích tư lợi cá nhân mục đích các bị cáo bán đất để làm các công trình phúc lợi công cộng như làm đường bê tông, sửa chữa nhà văn hóa của thôn, cải tạo công trình văn hóa tín ngưỡng của thôn. Bị cáo Lưu Văn T có ông ngoại là ông Nguyễn Bá B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì do có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ly hôn 1 mình nuôi 03 con nhỏ. Đối với bị cáo Lưu Văn L trong thời gian công tác được Ủy ban nhân dân huyện L tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị 62 - CT/TW ngày 08/11/1995 của Ban bí thư Trung ương Đảng, bố vợ bị cáo là ông Phạm Văn B1 được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, các bị cáo sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nhận thức pháp luật về đất đai hạn chế. Anh Nguyễn Văn V là người mua đất đã nhận lại đủ số tiền mà các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả anh V cùng với các bị cáo đã bàn giao đất đã mua cho UBND xã V và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các hộ dân trong thôn B xã V và Ủy ban nhân dân xã V đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Bị cáo L tuổi đã cao, có bệnh tật sức khỏe yếu. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới và có tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm có nhận định nhưng không áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót là các bị cáo được nhân dân trong thôn và Ủy ban nhân dân xã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cấp phúc thẩm cần áp dụng cho các bị cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ- HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định xét xử về tội phạm tham nhũng, chức vụ:

“ 3. Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật Hình sự đối với trường hợp người phạm tội có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự hoặc người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người phạm tội không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, mà chỉ vì muốn đổi mới, dám đột phá vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

b) Người phạm tội là người có quan hệ lệ thuộc (như cấp dưới đối với cấp trên, người làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên), không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, không được hưởng lợi; đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm;

c) Người phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra;

d) Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra.”

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao các bị cáo cho địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời không gây nguy hại cho xã hội.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Văn T và Lưu Văn L. Sửa án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 03 (Ba) năm tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời giam thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 15/8/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời giam thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 15/8/2023.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lưu Văn T, bị cáo Lưu Văn L đảm nhiệm chức vụ trong thôn, xã trong thời gian 01 năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ngày 15/8/2023.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS cấp sơ thẩm;
- UBND xã V;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh

